kā sī tè

喀斯特

noun · karst (geological formation)

Example Sentence

Guì lín de kā sī tè dì mào fēi cháng zhuàng guān
桂林的喀斯特地貌非常壮观。

The karst landform in Guilin is very spectacular.

Trace each character, then write the word on your own.

喀 喀 喀 喀 喀 喀 喀 喀 喀 喀 喀

喀 喀 喀 喀

斯 斯 斯 斯 斯 斯 斯 斯 斯 斯 斯

斯 斯 斯 斯

特 特 特 特 特 特 特 特 特 特 特

特 特